

Số: 1342/QĐ-UBND

Đắk Nông, ngày 15 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, mỏ đá bazan Đội 1, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông”
(Trữ lượng tính đến hết ngày 16 tháng 6 năm 2017)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 07/6/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 890/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thành lập hội đồng thẩm định trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 63/GP-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông cấp cho Công ty TNHH MTV Thiện Phú;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1385/STNMT-KS ngày 09 tháng 8 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, mỏ đá bazan Đội 1, xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông” của Công ty



TNHH MTV Thiện Phú như sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 05 ha (năm hecta) có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường đã tính trong báo cáo:

- Trữ lượng địa chất toàn mỏ: 931.611 m³, trong đó cấp 121: 874.894 m³, cấp 122: 56.717 m³.

- Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác (cấp 121+122): 682.285 m³.

3. Các khoáng sản đi kèm: Không.

4. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 2 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản đá bazan làm vật liệu xây dựng thông thường của từng khối, cấp được thông kê chi tiết tại Phụ lục số 2 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để nghiên cứu thiết kế khai thác, dự án đầu tư và giao nộp lưu trữ địa chất, các mẫu vật giao cho Công ty TNHH MTV Thiện Phú lưu trữ theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình sử dụng tài liệu của báo cáo cần lưu ý các ý kiến nhận xét của Hội đồng thẩm định trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Đắk Nông và các chuyên gia tư vấn Hội đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng; Các thành viên Hội đồng thẩm định trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Tuy Đức; Giám đốc Công ty TNHH MTV Thiện Phú và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCV UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN(Th).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Thanh Tùng

TỌA ĐỘ KHU THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN ĐÁ
BAZAN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ ĐẮK
NGO, HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 1342/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của
UBND tỉnh Đắk Nông)

Điểm góc	Tọa độ VN.2000, kinh tuyến trục 108,5 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
(Diện tích 05ha)		
M1	1326426	377258
M2	1326481	377362
M3	1326403	377453
M4	1326366	377414
M5	1326373	377336
M6	1326152	377326
M7	1326114	377376
M8	1326045	377340
M9	1326057	377236
M10	1326245	377219

THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOANG SẢN ĐÁ BAZAN LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI
XÃ ĐẮK NGO, HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 1342/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của
UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (m ³)	Ghi chú
1	1-121	33	150.107,3	
2	2-121	35	443.061,3	
3	3-121	35	281.725	
	Tổng 121		874.894	
4	4-122	35	56.717	
	Tổng 122		56.717	
	Tổng 121+122		931.611	

12/2